

Nội dung bài viết

1. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 66: Chính tả](#)

*Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 66: Chính tả*

**Câu 1:** Điền vào chỗ trống :

a) *chăng* hoặc *trăng*

... khoe ... tỏ hơn đèn

Cớ sao ... phải chịu luân đám mây ?

Đèn khoe đèn tỏ hơn ...

Đèn ra trước gió còn ... hỡi đèn ?

b) *ong* hoặc *ông*

phép c... ,... , c... ,... rau

c...` chiêng, c...` lưng

**Lời giải chi tiết:**

a) *chăng* hoặc *trăng*

**Trăng** khoe **trăng** tỏ hơn đèn

Cớ sao **trăng** phải chịu luân đám mây ?

Đèn khoe tỏ hơn **trăng**

Đèn ra trước gió còn **chăng** hỡi đèn ?

b) *ong* hoặc *ông*

phép **cộng**, **cọng** rau

**công** chiêng, **còng** lưng

**Câu 2:**

a) Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống :

Chú Trường vừa ...ồng ...ọt giỏi, vừa ...ăn nuôi giỏi. Vườn nhà chú cây nào cũng ...ũ quả. Dưới ao, cá ...ôi, cá ...ép, cá ...ấm từng đàn. Cạnh ao là ...uồng lợn, ...uồng trâu, ...uồng gà, ...ồng rất ngăn nắp.

b) Đặt *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* trên những chữ in đậm :

Ông Dũng có hai người con đều **giỏi** giang cả. Chú Nghĩa, con trai ông, bây giờ là **kĩ** sư, làm **ở** **mỏ** than. Còn cô Hải, con gái ông, là bác **sĩ** **nổi** tiếng **ở** bệnh viện **tỉnh**.

**Lời giải chi tiết:**

a)

Chú Trường vừa **trồng** **trọt** giỏi, vừa **chăn** nuôi giỏi. Vườn nhà chú cây nào cũng **trũ** quả. Dưới ao, cá **trôi**, cá **chép**, cá **trắm** từng đàn. Cạnh ao là **chuồng** lợn, **chuồng** trâu, **chuồng** gà, **trông** rất ngăn nắp.

b)

Ông Dũng có hai người con đều **giỏi** giang cả. Chú Nghĩa, con trai ông, bây giờ là **kĩ** sư, làm **ở** **mỏ** than. Còn cô Hải, con gái ông, là bác **sĩ** **nổi** tiếng **ở** bệnh viện **tỉnh**.